

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020
NGÀNH TIẾNG HÀN QUỐC

(Kèm theo Quyết định số: 963 / QĐ-CĐKTKT-TS ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
1	Đặng Kim	Anh	18/09/1992	Nữ	Dao	Lăng Công, Sông Lô, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: T	
2	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/09/1996	Nữ	Nùng	Lâu Thượng, Võ Nai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
3	Dương Thị Phương	Châm	04/12/2002	Nữ	Kinh	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
4	Hoàng Thị Thùy	Châm	18/05/2002	Nữ	Tày	Thôn Bản Thái, Long Đống, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
5	Hoàng Hạnh	Chi	28/11/1999	Nữ	Nùng	Tổ 13, Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
6	Nguyễn Thị	Chung	03/02/1999	Nữ	Kinh	Mình Đức, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
7	Nguyễn Chiến	Công	27/08/1994	Nam	Kinh	Mình Cường, Thường Tín, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
8	Vi Văn	Đạt	18/07/2002	Nam	Kinh	Chiên, Chiên Sơn, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
9	Nguyễn Ngọc	Dũng	02/01/1997	Nam	Kinh	Yên Tập, Cẩm Khê, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
10	Nguyễn Thị Thùy	Dương	18/01/2001	Nữ	Tày	Bình Long, Võ Nai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
11	Lương Văn	Dưỡng	07/08/1998	Nam	Thái	Núa Ngam, huyện Điện Biên, Điện Biên	TN THPT; HK: T	
12	Nguyễn Thị	Duyên	24/08/1993	Nữ	Kinh	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
13	Nguyễn Thị	Duyên	02/11/2000	Nữ	Kinh	An Miên, Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
14	Vũ Thị	Duyên	03/05/2002	Nữ	Kinh	Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
15	Đào Thị	Gấm	03/10/1994	Nữ	Kinh	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
16	Nguyễn Thị	Hà	20/02/1999	Nữ	Kinh	Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
17	Đinh Thị Thanh	Hà	18/10/1996	Nữ	Kinh	Thọ Văn, Tam Nông, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
18	Vũ Thị	Hà	28/06/2002	Nữ	Kinh	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
19	Trần Thanh	Hải	05/12/1995	Nam	Sán diu	Đạo Trù, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: T	
20	Nguyễn Văn	Hải	10/10/1989	Nam	Kinh	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
21	Ma Thị	Hạnh	12/04/1999	Nữ	Tày	Vạn Linh, Chi Lăng, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
22	Hoàng Thị	Hậu	01/08/1996	Nữ	Kinh	Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
23	Lãnh Văn	Hiền	21/06/2002	Nam	Tày	Đồng Chu, Yên Định, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
24	Chu Văn	Hiệu	07/11/2001	Nam	Kinh	Tiên Lý, Yên Định, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
25	Nguyễn Thị	Hoa	23/09/1995	Nữ	Kinh	Đồng Văn, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: K	
26	Phạm Thu	Hoài	12/07/1998	Nữ	Kinh	Quang Tiến, Tân Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
27	Đinh Thị	Hoài	15/09/2000	Nữ	Kinh	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
28	Đỗ Thị	Hồng	10/04/2000	Nữ	Kinh	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
29	Hoàng Thị	Hồng	16/06/2002	Nữ	Kinh	Hòa Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
30	Hoàng Văn	Hùng	10/01/1994	Nam	Kinh	Hà Lĩnh, Hà Trung, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
31	Hoàng Văn	Hưng	22/02/1996	Nam	Kinh	Xuân Phú, Yên Dũng, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
32	Đặng Thị	Hương	14/02/1994	Nữ	Kinh	Mai Lạp, Chợ Mới, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
33	Cao Thị	Hương	08/10/2002	Nữ	Kinh	Trung 3, Diêm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
34	Đinh Văn	Huy	26/07/2001	Nam	Kinh	Biển Động, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
35	Nguyễn Thị	Huyền	03/08/1995	Nữ	Kinh	Tân Hương, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
36	Bùi Thị	Huyền	09/08/1994	Nữ	Mường	Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình	TN THPT; HK: T	
37	Trần Thị	Huyền	21/10/1998	Nữ	Kinh	Nga Mỹ, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
38	Tổng Văn	Kết	14/10/2002	Nam	Kinh	Đèo Gia, Đèo Gia, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
39	Trung Thị	Lan	20/10/2000	Nữ	Kinh	Xóm Làng Bằng, Đồng Thịnh, ĐH, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
40	Hoàng Thị	Lành	28/10/2002	Nữ	Nùng	Khuán Cầu, Đại Sơn, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
41	Trịnh Thị	Liên	11/02/1995	Nữ	Kinh	Trung Thành, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
42	Đặng Thị Thùy	Linh	03/11/1999	Nữ	Kinh	Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
43	Trần Thị	Linh	18/02/1999	Nữ	Nùng	Tân Ấp 1, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
44	Vũ Thị	Loan	15/05/2002	Nữ	Kinh	Đồng Hòa, Hòa Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
45	Lục Thị	Ly	27/11/1999	Nữ	Tày	Đức Long, Hòa An, Cao Bằng	TN THPT; HK: K	
46	Chu Thị	Mai	25/06/1997	Nữ	Nùng	Vĩ Thượng, Quang Bình, Hà Giang	TN THPT; HK: T	
47	Diệp Thị	Mai	29/11/2001	Nữ	Sán Diu	Xóm Bia, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
48	Ma Thị Huyền	Mến	09/10/2001	Nữ	Tày	Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
49	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	06/02/2000	Nữ	Kinh	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
50	Nguyễn Đình	Nam	12/04/1998	Nam	Kinh	Nghi Công Nam, Nghi Lộc, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
51	Nguyễn Thị Thanh	Nga	04/04/2002	Nữ	Kinh	Tiên Phong, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
52	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	17/04/2000	Nữ	Kinh	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
53	Đoàn Thị Hồng	Ngọc	09/06/1998	Nữ	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
54	Trương Thị Phương	Nhã	27/07/1993	Nữ	Tày	Tổ 10, phường Cam Giá, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
55	Dương Thị	Nhung	21/11/2002	Nữ	Kinh	Úc Kỳ, Diêm Thụy, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
56	Nguyễn Thị	Nhung	20/03/2002	Nữ	Kinh	Xóm Cù, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
57	Hoàng Văn	Phong	08/09/1991	Nam	Tày	Trần Yên, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
58	Phạm Thị	Phương	06/03/1996	Nữ	Kinh	Tư Mai, Yên Dũng, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
59	Triệu Thị	Phương	23/03/1995	Nữ	Dao	Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
60	Nguyễn Thanh	Phương	20/07/1997	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: T	
61	Hoàng Bích	Phượng	22/08/1997	Nữ	Tày	Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
62	Hoàng Thị Bích	Phượng	01/06/1996	Nữ	Tày	Liên Minh, Võ Nhai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
63	Trần Thị Như	Phương	17/05/1999	Nữ	Kinh	Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
64	Đoàn Minh	Quân	01/08/1995	Nam	Kinh	Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình	TN THPT; HK: K	
65	Nguyễn Thị	Tâm	22/02/1994	Nữ	Kinh	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
66	Đào Thị	Tâm	02/07/2002	Nữ	Kinh	Kim Tinh, Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
67	Nguyễn Văn	Thắng	20/12/2000	Nam	Kinh	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
68	Nguyễn Thanh	Thanh	07/11/1998	Nam	Tày	Yên Đỗ, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
69	Nguyễn Quang	Thành	30/10/1998	Nam	Kinh	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
70	Đỗ Thị Phương	Thảo	08/10/1992	Nữ	Kinh	Lương Sơn, Sông Công, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
71	Nghiêm Văn	Thảo	03/06/1999	Nam	Kinh	Liên Sơn, Tân Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
72	Nguyễn Thị	Thảo	16/05/1999	Nữ	Kinh	Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
73	Hoàng Thị Phương	Thảo	19/08/1994	Nữ	Kinh	Tổ 7, P. Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
74	Trịnh Thị	Thoa	05/09/1997	Nữ	Mường	Ngọc Sơn, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
75	Lục Thị	Thơm	30/11/2000	Nữ	Nùng	Làng Cọ 2, Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
76	Lương Thị	Thu	10/03/2000	Nữ	Tày	Kiên Đài, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	TN THPT; HK: K	
77	Vũ Thị	Thuận	16/02/2000	Nữ	Kinh	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
78	Đỗ Thu	Thủy	24/11/1997	Nữ	Kinh	Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định	TN THPT; HK: K	
79	Hoàng Minh	Tiến	25/05/1998	Nam	Nùng	Kháng Nhật, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
80	Nông Thanh	Toàn	23/03/1998	Nam	Nùng	Chí Thảo, Quảng Uyên, Cao Bằng	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
81	Ngô Vĩnh	Toàn	09/12/2002	Nam	Tày	Làng Bền, Đồng Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
82	Phạm Thị Huyền	Trang	02/06/2000	Nữ	Kinh	Nghi Công Nam, Nghi Lộc, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
83	Lưu Thị Huyền	Trang	10/12/2002	Nữ	Kinh	Xóm Hắng, Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
84	Nguyễn Thị Thủy	Trang	24/07/2002	Nữ	Kinh	Xóm Kén, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
85	Vũ Hà	Tuyên	11/11/2000	Nữ	Kinh	Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
86	Nguyễn Thị	Tuyết	19/11/1992	Nữ	Kinh	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
87	Phạm Thu	Uyên	24/09/2000	Nữ	Kinh	Quang Trung 1, Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
88	Bế Thị	Xoan	12/10/2002	Nữ	Kinh	Trung Sơn, Đại Sơn, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
89	Lê Văn	Xuân	05/06/1996	Nam	Kinh	Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
90	Sầm Thị Minh	Xuân	27/09/1999	Nữ	Tày	An Phú, Lục Yên, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
91	Phạm Thị	Xuân	19/01/2001	Nữ	Kinh	Tân Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
92	Lưu Thị	Yên	10/09/2001	Nữ	Sán diu	Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
93	Hoàng Thị	Yên	25/10/1996	Nữ	Kinh	Hải Bình, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
94	Trần Thị	Yên	15/02/2000	Nữ	Kinh	Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
95	Nguyễn Thị	Yên	22/08/2002	Nữ	Kinh	Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	

Ấn định danh sách: 95 thí sinh *Nguy2*